

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN ĐIỆN BIÊN
TỈNH ĐIỆN BIÊN**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 11/2019/HNGĐ-ST

Ngày 07/ 5/ 2019

V/v: Ly hôn, tranh chấp về nuôi
con khi ly hôn.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐIỆN BIÊN, TỈNH ĐIỆN BIÊN**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán Chủ tọa phiên tòa: Bà Vũ Thị Thanh Thủy

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Nguyễn Quang Khải.
2. Ông Lò Văn Thương.

- Th- ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thu Hương - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Điện Biên.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Điện Biên tham gia phiên tòa:
Bà Phạm Thị Hoàn - Kiểm sát viên.

Ngày 07/5/2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Điện Biên, tỉnh Điện Biên mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 14/2018/TLST - HNGĐ ngày 06 tháng 12 năm 2018 về việc: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn theo Quyết định đ- a vụ án ra xét xử số: 07/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 03/4/2019 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị Phương L, sinh năm 1980.

Nơi ĐKNKTT: Bản T, xã M, huyện Điện Biên, tỉnh Điện Biên. Chỗ ở hiện nay: Tổ dân phố 03, phường M, thành phố Điện Biên Phủ, tỉnh Điện Biên.

2. Bị đơn: Anh Trịnh Quang Ngh, sinh năm 1974.

Nơi ĐKNKTT: Bản T, xã M, huyện Điện Biên, tỉnh Điện Biên. Chỗ ở hiện nay: Thôn 24, xã N, huyện Điện Biên, tỉnh Điện Biên.

(Nguyên đơn có mặt, bị đơn vắng mặt không có lý do).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện xin ly hôn đề ngày 05/12/2018 và các bản tự khai tại Tòa án nhân dân huyện Điện Biên, chị Nguyễn Thị Phương L (nguyên đơn) trình bày:

1. Về hôn nhân: Tôi và anh Ngh kết hôn có đăng ký tại UBND xã N, huyện Điện Biên, tỉnh Điện Biên vào ngày 05/12/2000. Kết hôn trên cơ sở tự nguyện

không ai bị ép buộc. Chúng tôi sống hạnh phúc từ khi kết hôn đến tháng khoảng tháng 4/2017 do sự hiểu lầm giữa mẹ chồng và con dâu, bà có những lời nói áp đặt gây sự ức chế giữa tôi và mẹ chồng, tôi đã ra tập thể tại trường mầm non xã M, huyện Điện Biên ở, trong thời gian đó tôi vẫn đi đi về về, vì tôi không muốn mâu thuẫn thêm nữa, lúc đó tôi chỉ muốn sự hiểu và thông cảm của anh Ngh nhưng anh Ngh không hiểu cho, anh luôn làm theo ý của mẹ anh ấy. Ngoài ra nguyên nhân nữa là do từ tháng 01/7/2017 anh Ngh do không đảm bảo sức khỏe điều kiện để công tác, anh nghỉ theo chế độ phục viên. Từ khi anh Ngh nghỉ việc bản thân anh không tu trí làm ăn, không quan tâm cuộc sống gia đình, chơi bời lêu đẽ, nghiện hút chất ma túy. Bản thân tôi đã nhiều lần khuyên nhủ, động viên hỗ trợ anh Ngh từ bỏ ma túy, nhưng anh Ngh không từ bỏ mà ngày càng dần sâu hơn vào các tệ nạn xã hội, anh Ngh vay tiền lãi cao, đi vay cầm đồ, bán dần đồ đạc trong gia đình với mục đích phục vụ cho nhu cầu cá nhân, dẫn đến nợ nần chồng chất, vợ chồng mâu thuẫn trầm trọng, bất đồng, xô sát nhau gây ảnh hưởng tâm lý và tinh thần của các con tôi. Chúng tôi đã sống ly thân từ tháng 01/2018 cho đến nay, không còn đi lại và quan tâm gì đến nhau nữa. Xét thấy tình cảm giữa tôi và anh Ngh không còn, cuộc sống chung không có hạnh phúc. Nên tôi đề nghị Tòa án giải quyết cho tôi được ly hôn với anh Ngh.

2. *Về con chung*: Chúng tôi có hai con chung, cháu Trịnh Quang H, sinh ngày 07/08/2001 và cháu Trịnh Thị Ngọc B, sinh ngày 20/11/2007. Quan điểm của tôi 02 con sẽ do tôi trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng đến khi thành niên và có khả năng lao động.

Sau khi Tòa án nhân dân huyện Điện Biên tiến hành hòa giải để các đương sự thỏa thuận với về việc giải quyết vụ án nguyên đơn chị Nguyễn Thị Phương L đã có ý kiến bổ sung về con chung như sau:

Hiện hai cháu H và B đang ở cùng tôi, tôi đang trực tiếp nuôi dưỡng, do các cháu đều đã lớn vì vậy quyền quyết định lựa chọn ở với ai do hai cháu lựa chọn và quyết định. Việc cấp dưỡng nuôi con chúng tôi tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Tại bản tự khai của hai cháu đều có nguyện vọng ở với tôi nên tôi đồng ý, không có ý kiến gì.

3. *Về tài sản*: Tài sản riêng: Không có; Tài sản chung; nợ phải trả; nợ lấy về: Chúng tôi tự thỏa thuận, khi nào không thỏa thuận được thì lúc đó chúng tôi sẽ làm đơn đề nghị Tòa án giải quyết bằng một vụ án khác; Diện tích ruộng, nương: Không có.

Tại bản tự khai ngày 24/01/2019 anh Trịnh Quang Ngh (bị đơn) trình bày như sau:

1. Về hôn nhân: Chúng tôi đăng ký kết hôn tại UBND xã N vào ngày 05/12/2000. Chúng tôi kết hôn tự nguyện không ai bị ép buộc. Vợ chồng sống hạnh phúc với nhau từ khi kết hôn đến năm 2017 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân một phần do lỗi của tôi và cũng nhiều lý do khác trong cuộc sống. Do liên quan về chuyên môn công tác liên quan đến lĩnh vực phòng chống ma túy và tội phạm, bản thân là cán bộ trình sát xã hội hóa, nhiều những vụ án phức tạp, liên quan đến các ổ nhóm, tụ điểm mua bán trái phép chất ma túy, do đó dễ nắm vững qui luật hoạt động, lần theo dấu vết tội phạm, phục vụ cho công tác đấu tranh phá

án, tôi đã phải xâm nhập làm nội tuyến do đó, tôi đã phải sử dụng và dẫn tới nghiện ma túy, vì vậy trong cuộc sống hôn nhân của vợ chồng tôi phát sinh mâu thuẫn, vợ tôi đã tự bỏ ra ngoài thuê nhà ở riêng từ tháng 01/2018 cho đến nay. Trong quá trình tự ý bỏ ra ngoài ở riêng, vợ tôi đã có mối quan hệ mờ ám, ngoài luồng, do vậy đến nay vợ tôi làm đơn muốn tìm mọi cách để được ly hôn với tôi, phục vụ cho mối quan hệ ngoài hôn nhân của cô ấy cho được thuận lợi. Bản thân tôi luôn muốn hàn gắn giữ gìn cuộc sống hôn nhân và gia đình cho con tôi có đầy đủ trọn vẹn, tình cảm của cha mẹ. Do vậy đề nghị Tòa án nhân dân huyện Điện Biên hòa giải cho chúng tôi được trở lại hạnh phúc như xưa.

Sau khi Tòa án nhân dân huyện Điện Biên tiến hành hòa giải để các đương sự thỏa thuận với về việc giải quyết vụ án bị đơn anh Trịnh Quang Ngh đã có ý kiến bổ sung về quan hệ hôn nhân như sau:

Những gì cô L trình bày có cái đúng, có cái sai, trong quá trình chung sống vợ chồng tương đối tâm đầu ý hợp, còn việc va chạm lặt vặt nhà nào cũng có. Mâu thuẫn chính là do công việc của tôi làm nhiệm vụ phải vào hang ổ bắt tội phạm, nhưng do bản lĩnh không cao nên tôi đã sử dụng ma túy, gia đình và đơn vị đã tạo điều kiện cho tôi đi cai nghiện, nhưng do công việc nên tôi không thể cai nghiện ma túy được, cơ quan đã giải quyết cho tôi nghỉ phục viên từ ngày 01/07/2017, sau khi về hai vợ chồng bàn bạc khôi phục lại nghề thuốc gia truyền của gia đình. Cô L cho rằng mâu thuẫn mẹ chồng nàng dâu là không chính xác, vì gia đình nào cũng có như vậy. Trong năm 2017 tôi không chơi lô đề, cờ bạc, lúc đó tôi chỉ sử dụng ma túy nhưng không thường xuyên, chỉ thỉnh thoảng tôi mới sử dụng một tý, tiền làm ra từ việc cắt thuốc tôi giao hoàn toàn cho vợ tôi quản lý; Sang năm 2018 tôi mới đi vay cầm đồ, lãi cao với mục đích để phá cho đỡ chán vì lúc đó tôi chán đời, do vợ tôi không hiểu, không động viên mà còn ra ngoài ở riêng. Cô L làm đơn xin ly hôn tôi không đồng ý, tôi yêu cầu hai bên gia đình nội ngoại họp lại nói chuyện ba mặt một lời, đưa ra phương án giải quyết xem ai đúng, ai sai, nguyên nhân mâu thuẫn từ đâu, thì đó sẽ tùy thuộc vào tình hình rồi mới quyết định ly hôn hay không.

2. Về con chung: Chúng tôi có hai con chung, cháu Trịnh Quang H, sinh ngày 07/08/2001 và cháu Trịnh Thị Ngọc B, sinh ngày 20/11/2007. Nếu vợ chồng ly hôn nguyện vọng của tôi xin được nuôi cháu B cho đến khi thành niên và có khả năng lao động. Việc cấp dưỡng nuôi con chúng tôi tự thỏa thuận.

3. Về tài sản: Tài sản riêng: Không có; Tài sản chung; Nợ phải trả; Nợ lấy về: Chúng tôi tự thỏa thuận, khi nào không thỏa thuận được thì lúc đó chúng tôi sẽ làm đơn đề nghị Tòa án giải quyết bằng một vụ án khác; Diện tích ruộng, nương: Không có.

Tại biên bản xác minh ngày 27/02/2019, chính quyền địa phương xã Noong Hẹt huyện Điện Biên, tỉnh Điện Biên cung cấp như sau:

Chị L và anh Ngh có đăng ký kết hôn vào ngày 05/12/2000 tại UBND xã N, huyện Điện Biên. Chị L và anh Ngh đều có đăng ký hộ khẩu tại Bản Trung tâm, xã Mường Nhà, huyện Điện Biên. Anh chị L, Ngh có nhà và sinh sống tại Thôn 24, xã Noong Hẹt, huyện Điện Biên, từ khi anh Ngh nghỉ việc hai vợ chồng thường

xuân xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân do anh Ngh sử dụng ma túy, vợ chồng đã ly hôn ly thân từ tháng 01/2018 cho đến nay. Anh, chị có 02 con chung là cháu Trịnh Quang H, sinh ngày 07/8/2001 và cháu Trịnh Thị Ngọc B, sinh ngày 20/11/2007. Hiện tại các cháu đang ở với chị L. Việc giao các cháu cho ai chăm sóc, nuôi dưỡng giáo dục đề nghị Tòa án xem xét đến điều kiện kinh tế và thời gian chăm sóc để đảm bảo cho sự phát triển về mọi mặt của các cháu.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa: Việc tuân theo pháp luật: Tòa án nhân dân huyện Điện Biên thụ lý đúng thẩm quyền theo đúng quy định tại Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a Khoản 1 Điều 39 của Bộ Luật tố tụng dân sự; Thẩm phán xác định đúng mối quan hệ pháp luật có tranh chấp, thực hiện đầy đủ các thủ tục tố tụng về xây dựng hồ sơ; xác minh, thu thập chứng cứ đầy đủ, hợp pháp; thông báo cho đương sự và Viện kiểm sát đầy đủ các văn bản tố tụng; sau khi ra Quyết định đưa vụ án ra xét xử, gửi hồ sơ cho Viện kiểm sát nghiên cứu trong thời hạn luật định. Hội đồng xét xử đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa đã tuân theo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn chị L đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định tại Điều 70, 71 của Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn anh Ngh chấp hành theo quy định tại Điều 70, 71 của Bộ luật tố tụng dân sự, tuy nhiên tại phiên tòa lần thứ nhất ngày 23/4/2019 mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt không có lý do, phiên tòa được mở lại ngày 7/5/2019 đã được Tòa án triệu tập hợp lệ anh Ngh vẫn vắng mặt tại phiên tòa, đã vi phạm Điều 70, 71 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Quan điểm giải quyết vụ án:

- Về hôn nhân: Căn cứ Điều 51, 53, 56 Luật Hôn nhân và gia đình đề nghị Tòa án chấp nhận nội dung đơn khởi kiện của chị L được ly hôn với anh Ngh.

- Về con chung: Căn cứ Điều 69, 81 luật hôn nhân gia đình 2014 đề nghị Tòa án giao hai cháu Trịnh Quang H, sinh ngày 07/8/2001 và cháu Trịnh Thị Ngọc B, sinh ngày 20/11/2007 cho chị L chăm sóc, giáo dục. Việc cấp dưỡng nuôi con chị L và anh Ngh không đề nghị Tòa án không giải quyết.

- Về quan hệ tài sản: Tài sản riêng: Không có; Tài sản chung; nợ phải trả; Nợ lấy về: Chị L và anh Ngh tự thỏa thuận, không đề nghị Tòa án giải quyết; Diện tích ruộng, nương: Không có.

- Về án phí: Căn cứ khoản 4 Điều 147/BLTTDS và Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án. Chị L phải chịu 300.000đ tiền án phí dân sự sơ thẩm, được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000đ vào ngày 06/12/2018 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Điện Biên.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, qua thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng: Quan hệ tranh chấp về “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn” giữa chị Nguyễn Thị Phương L và anh Trịnh Quang Ngh thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Điện Biên được quy định tại Khoản 1 Điều 28, Điểm a Khoản 1 Điều 35, Điểm a Khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Anh Trịnh Quang Ngh đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ 2 mà vẫn vắng mặt tại phiên tòa không có lý do. Căn cứ vào Điểm b Khoản 2 Điều 227, Khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Quan hệ hôn nhân giữa chị L và anh Ngh được xây dựng trên cơ sở tự nguyện, tuân thủ đầy đủ các qui định của pháp luật về điều kiện kết hôn và nghi thức kết hôn do vậy quan hệ hôn nhân giữa chị L và anh Ngh là hợp pháp. Quá trình chung sống, vợ chồng sống hạnh phúc đến tháng 4/2017 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do anh Ngh nghỉ theo chế độ phục viên, không tu trí làm ăn, có sử dụng chất ma túy, mặc dù đã được chị L động viên, hỗ trợ để anh Ngh cai nghiện ma túy, nhưng không có kết quả. Ngoài ra anh Ngh còn trình bày ngày 01/7/2017 do phải nghỉ chế độ phục viên, do bị sốc vì công việc, nên đã đi vay cầm đồ, lãi suất cao mục đích để phá cho đỡ chán và mục đích chính là để phục vụ cuộc sống cá nhân anh Ngh để duy trì cuộc sống. Xuất phát từ những nguyên nhân mâu thuẫn trên nên dẫn đến tình cảm vợ chồng mâu thuẫn ngày càng trầm trọng, chị L đã thuê nhà ra ở riêng và sống ly thân từ tháng 01/2018 cho đến nay; Đến nay chị L xác định tình cảm vợ chồng không còn, cuộc sống chung không có hạnh phúc nên xin ly hôn. Anh Ngh không đồng ý ly hôn và anh đề nghị phải họp mặt hai bên gia đình nội ngoại để nói chuyện, hòa giải, phân tích đúng sai rồi mới quyết định. Tòa án đã mở 02 phiên hòa giải để phân tích, hòa giải hàn gắn hạnh phúc gia đình giữa chị L và anh Ngh nhưng không có kết quả, chị L cương quyết xin ly hôn. Ngoài ra theo xác minh tại địa phương cho biết chị L và anh Ngh đã sống ly thân từ đầu năm 2018 cho đến nay, nguyên nhân do anh Ngh có sử dụng chất ma túy và nghỉ theo chế độ phục viên dẫn đến mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng. Hội đồng xét xử xét thấy tình trạng hôn nhân giữa chị L và anh Ngh đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được do vậy nguyện vọng xin ly hôn của chị L là phù hợp với qui định tại điều 51, 56 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014, nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị L.

[2.2] . Về con chung: Chị L và anh Ngh có hai con chung là cháu Trịnh Quang H, sinh ngày 07/08/2001 và cháu Trịnh Thị Ngọc B, sinh ngày 20/11/2007. Chị L khai do các cháu đã lớn nên quyền quyết định lựa chọn ở với ai do hai cháu lựa chọn. Tại bản tự khai và tại các phiên hòa giải anh Ngh có nguyện vọng được nuôi cháu Trịnh Thị Ngọc B cho đến khi thành niên và có khả năng lao động. Tại bản tự khai ngày 01/3/2019 của hai cháu Trịnh Quang H và cháu Trịnh Thị Ngọc B các cháu đều có nguyện vọng xin được ở với mẹ. Chị L hiện đang là giáo viên trường Mầm non Thanh Yên, tại phiên tòa chị L xuất trình thêm chứng cứ Bảng thanh toán tiền lương của cơ quan chủ quản với số tiền lương được hưởng là 8.822.297 đồng/ tháng. HĐXX xét thấy việc giao con chung cho ai nuôi cần phải

xem xét mọi mặt và quyền lợi của các con. Anh Ngh không có công việc và đồng lương ổn định nên không có điều kiện chăm sóc, nuôi dưỡng các cháu được tốt hơn, ngoài ra các cháu đều đang ở với mẹ và được chăm sóc nuôi dưỡng đảm bảo tốt về mọi mặt. Do vậy nguyện vọng của chị L, hai cháu H, B là phù hợp với quy định của pháp luật. Căn cứ vào Điều 81, 82 Luật Hôn nhân và gia đình HĐXX chấp nhận nguyện vọng của chị L và hai cháu H, B. Giao hai cháu cho chị L chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi thành niên và có khả năng lao động, có tài sản để tự nuôi mình hoặc cho đến khi có thay đổi khác. Nguyện vọng của anh Ngh không được Tòa án chấp nhận. Anh Ngh có quyền đi lại thăm con không ai được cản trở.

[2.3]. Về cấp dưỡng nuôi con: Chị L và anh Ngh tự thỏa thuận về cấp dưỡng nuôi con, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Nên HĐXX không xem xét giải quyết.

[2.4]. Về tài sản: Trong quá trình giải quyết vụ án chị L và anh Ngh đều thống nhất thỏa thuận: Tài sản riêng: Không có; tài sản chung; nợ phải trả; nợ lấy về: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết; Diện tích ruộng, nương: Không có. Nên HĐXX không xem xét giải quyết.

[2. 4]. Về án phí: Căn cứ khoản 4 Điều 147/BLTTDS và Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án. Chị L phải chịu 300.000đ tiền án phí dân sự sơ thẩm, được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000đ vào ngày 06/12/2018 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Điện Biên (chị L đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm).

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH:

- Áp dụng Khoản 1 Điều 28, Điểm a Khoản 1 Điều 35, Điểm a Khoản 1 Điều 39; Điểm b Khoản 2 Điều 227, Khoản 3 Điều 228; Khoản 1 Điều 235; 264 và 267 của Bộ luật tố tụng dân sự;

- Áp dụng khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 53, khoản 1 Điều 56, Điều 70, 71, 72, 81, 82, 83, 84 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Phương L được ly hôn với anh Trịnh Quang Ngh.

2. Về con chung:

- Giao hai cháu Trịnh Quang H, sinh ngày 07/08/2001 và cháu Trịnh Thị Ngọc B, sinh ngày 20/11/2007 cho chị L trực tiếp nuôi dưỡng, trông nom, chăm sóc, giáo dục cho đến khi thành niên và có khả năng lao động, có tài sản để tự nuôi mình hoặc cho đến khi có thay đổi khác.

Việc cấp dưỡng nuôi con chị L và anh Ngh tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Nên HĐXX không xem xét giải quyết.

Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con có quyền thăm nom con mà không ai được cản trở và có nghĩa vụ tôn trọng quyền của con được sống chung với người trực tiếp nuôi con.

Cha, mẹ trực tiếp nuôi con cùng các thành viên trong gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng giáo dục con chung.

Vì lợi ích của con, trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức quy định tại khoản 5 Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con và việc cấp dưỡng nuôi con.

3. Về tài sản: Tài sản riêng: Không có; tài sản chung; nợ phải trả; nợ lấy về: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết; Diện tích ruộng, nương: Không có;

4. Về án phí: Căn cứ khoản 4 Điều 147/BLTTDS và Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án. Chị L phải chịu 300.000đ tiền án phí dân sự sơ thẩm, được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000đ vào ngày 06/12/2018 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Điện Biên (chị L đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm).

Nguyên đơn có mặt tại Tòa được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm (07/5/2019). Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án chính hoặc bản án được niêm yết./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Điện Biên;
- VKSND huyện DB;
- Chi cục THA huyện DB;
- Các đương sự;
- UBND xã N;
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Vũ Thị Thanh Thủy

HỘI THẨM NHÂN DÂN

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN

CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

HỘI THẨM NHÂN DÂN

Nguyễn Quang Khải

Vũ Thị Thanh Thủy

Lò Văn Thương

